TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 62/2018/HS-PT
Ngày: 02 – 8 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tòng

Bà Trần Thị Kim Sang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Nhật M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Nhật M (D), sinh năm 1991 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Kim H (chết); vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không có; tiền án: Ngày 06/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thi hành xong bản án ngày 07/5/2016. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/12/2017 đến nay. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2017, do có bàn bạc từ trước nên Lê Hoàng L dùng xe mô tô chở Trần Nhật M đi tìm trộm tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, phát hiện trước tiệm tạp hóa tại xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh có xe mô tô biển số 70G1-545.24 còn chìa khóa trên xe nhưng không người trông coi nên L dừng xe để M đi bộ vào giả vờ mua nước và lén lút trộm xe. Cơ quan điều tra truy tìm theo hệ thống định vị gắn trên xe mô tô bị mất trộm thì bắt quả tang M cùng tang vật tại xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án, M thừa nhận hành vi phạm tội, ngoài ra còn khai nhận vào các ngày 28/11/2017, 29/11/2017 và 09/12/2017 bị cáo đã thực hiện 03 (ba) vụ trộm xe mô tô khác tại huyện H, tỉnh Tây Ninh gồm 01 (một) xe Wave Alpha, 01 (một) Sirius màu trắng đen và 01 (một) Sirius màu xanh.

Kết luận định giá số 44 ngày 18/12/2017 và số 46 ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô Honda Wave biển số 70G1-545.24 giá 16.000.000 đồng. Xe mô tô Wave Alpha giá 12.000.000 đồng. Xe mô tô Sirius màu trắng đen giá 9.000.000 đồng. Xe mô tô Sirius màu xanh giá 12.000.000 đồng. Tổng cộng 04 (bốn) xe mô tô có giá 49.000.000 đồng.

Bản án số 16/2018/HS-ST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Nhật M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nhật M 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2017.

Ngoài ra, án còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Hoàng L, biện pháp tư pháp, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2018, bị cáo Trần Nhật M có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về đoàn tụ, lao động chân chính nuôi gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, xin được giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về làm lụng nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Nhật M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, Lê Hoàng L chở M đi tìm xe để trộm thì phát hiện xe mô tô biển số 70G1-545.24 không người trông coi. Lợi dụng sự sơ hở của chủ xe, bị cáo M đã trực tiếp trộm và điều khiển xe đi, đến địa phận xã L, huyện H thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, trong tháng 11 – 12/2017, bị cáo còn thực hiện 03 (ba) vụ trộm xe mô tô khác tại huyện H. Tổng giá trị 04 (bốn) xe mô tô bị cáo lấy trộm là 49.000.000 đồng. Đồng thời, năm 2015 bị cáo đã bị xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản đến nay chưa được xóa án tích. Cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, thấy rằng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái nhưng vì động cơ ích kỷ cá nhân muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện 04 (bốn) lần trong một khoảng thời gian ngắn. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, tự thú các lần phạm tội trước đó chưa bị phát hiện. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên và tái phạm. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự khi lượng hình, xử phạt bị cáo mức án 04 (bốn) năm tù là phù hợp, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Nhật M (D). Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nhật M (D) 04 *(bốn)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2017.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Nhật M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- CQHSNVCS CA huyện;
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Bị cáo;
- Lưu THS, hồ sơ vụ án.